

MIRAVIS

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/01/25 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00043202455 Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : MIRAVIS

Mã thiết kế : A19649B

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

Địa chỉ : Số 16, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình,
Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Telefax : +84-251-8826016

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +(028)37756288

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Thuốc diệt nấm

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**Phân loại theo GHS**

Độc cấp tính (Đường miệng) : Cấp 5

Độc cấp tính (Hít phải) : Cấp 4

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 2

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 2

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.
H332 Có hại nếu hít phải.
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.

MIRAVIS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/01/25	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00043202455	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

P271 Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc ở khu vực có sự thông thoáng tốt.

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

Biện pháp ứng phó:

P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

P312 Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
pydiflumetofen	1228284-64-7	>= 15 -< 25

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung	: Có cảm theo chai/bao thuốc, nhãn hoặc phiếu thông tin an toàn khi gọi điện số khẩn cấp, trung tâm kiểm soát độc chất hoặc chuyên gia y tế, hay đang tiến hành cứu chữa
Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	: Đưa nạn nhân ra chỗ không khí trong lành. Nếu thấy thở ngắt quãng hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo. Giữ ấm và để bệnh nhân nghỉ ngơi. Gọi bác sỹ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	: Ngay lập tức cởi bỏ quần áo bị nhiễm. Ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước. Liên hệ với bác sỹ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài. Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	: Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả các mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Gỡ bỏ kính áp tròng. Phải nhanh chóng tìm sự chăm sóc y tế.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Nếu nuốt phải, ngay lập tức phải xin ý kiến của thầy thuốc và đưa thiết bị chứa đựng hoặc nhãn của nó cho thầy thuốc xem. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Không đặc hiệu Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	: Hiện không có thuốc giải độc đặc hiệu. Điều trị theo triệu chứng.

MIRAVIS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/01/25	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00043202455	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Phương tiện chữa cháy - Các đám cháy nhỏ Dùng bụi nước, bột chịu cồn, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit. Phương tiện chữa cháy-Các đám cháy lớn Bột chịu cồn. hoặc Bụi nước
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Không sử dụng dòng nước liên tục bởi vì có thể làm lan rộng đám cháy.
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Vì sản phẩm có chứa các thành phần hữu cơ dễ cháy, nếu đốt sẽ phát sinh khói đen dày đặc có chứa các sản phẩm cháy nguy hại (xem phần 10). Tiếp xúc với các sản phẩm phân hủy có thể là một nguy cơ đối với sức khỏe.
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ. Làm mát các bình chứa kín trong vụ cháy bằng bụi nước.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ và mặt nạ dưỡng khí.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.
Các cảnh báo về môi trường	: Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	: Kiểm chế chất tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13). Lau rửa thật kỹ bề mặt bị nhiễm bẩn. Lau rửa bằng các chất tẩy rửa. Tránh dùng dung môi. Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	: Không có các yêu cầu đặc biệt bắt buộc để đề phòng hỏa hoạn. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng. Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản	: Không bắt buộc có điều kiện lưu giữ đặc biệt. Đóng kín các bình chứa và để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt. Để xa tầm tay trẻ em. Để xa thức ăn, đồ uống và thức ăn gia súc.

MIRAVIS

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/01/25 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00043202455 Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
pydiflumetofen	1228284-64-7	TWA	5 mg/m ³	Syngenta

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Cô lập và / hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ sự phơi nhiễm.

Mức độ của các biện pháp bảo vệ phụ thuộc vào mức độ rủi ro thực tế khi sử dụng.

Giữ nồng độ không khí thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Khi cần thiết, hãy tìm tư vấn thêm về vệ sinh lao động.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn.
Thiết bị hô hấp thích hợp:
Mặt nạ có mạng che nửa mặt.
Loại bộ lọc cho mặt nạ phải phù hợp với nồng độ ô nhiễm tối đa (khí/hơi/aerosol/hạt) có thể xuất hiện khi thao tác với sản phẩm. Nếu vượt quá nồng độ này phải dùng bộ dụng cụ thở cá nhân..

Bảo vệ tay

Ghi chú : Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ mắt : Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ da và cơ thể : Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Chọn bảo hộ bảo vệ da và thân thể dựa trên các yêu cầu công việc cụ thể.

Các biện pháp bảo vệ : Việc sử dụng biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn là sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân

Khi lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, hãy tìm sự tư vấn chuyên môn phù hợp.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : thể lỏng
Màu sắc : kem tới <<< Phrase language not available: [VI] CUST - Y09.00000812 >>>
Mùi đặc trưng : chưa có dữ liệu
Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu
Độ pH : 5,9 - 7

MIRAVIS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/01/25	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00043202455	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

Nồng độ: 1 % w/v

- Điểm/khoảng nóng chảy : chưa có dữ liệu
- Điểm sôi/khoảng sôi : chưa có dữ liệu
- Điểm cháy : Phương pháp: Cốc kín Pensky-Martens
không chớp cháy
- Tỷ lệ hóa hơi : chưa có dữ liệu
- Khả năng bắt cháy (chất rắn,
khí) : chưa có dữ liệu
- Giới hạn trên của cháy nổ /
Giới hạn trên của sự bốc cháy : chưa có dữ liệu
- Giới hạn dưới của cháy nổ /
Giới hạn dưới của sự bốc
cháy : chưa có dữ liệu
- Áp suất hóa hơi : chưa có dữ liệu
- Tỷ trọng hơi tương đối : chưa có dữ liệu
- Mật độ : 1,09 g/cm³
- Độ hòa tan
 - Độ hòa tan trong nước : chưa có dữ liệu
 - Độ hòa tan trong các dung
môi khác : chưa có dữ liệu
- Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : chưa có dữ liệu
- Nhiệt độ tự bốc cháy : > 650 °C
- Nhiệt độ phân hủy : chưa có dữ liệu
- Độ nhớt
 - Độ nhớt, động lực : 80,8 mPa.s (20 - 25 °C)
 - Độ nhớt, động học : chưa có dữ liệu
- Đặc tính cháy nổ : Không gây nổ
- Đặc tính ôxy hóa : Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
- Kích thước hạt : chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

- Khả năng phản ứng : Không dễ dự đoán.
- Tính ổn định : Ổn định trong các điều kiện thông thường.
- Phản ứng nguy hiểm : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện

MIRAVIS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/01/25	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00043202455	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

sử dụng thường.

Các điều kiện cần tránh	:	Không phân hủy nếu được sử dụng như chỉ dẫn.
Vật liệu không tương thích	:	Được biết là chưa xảy ra.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc	:	Nuốt phải Hít phải Tiếp xúc với da Tiếp xúc với mắt
----------------	---	--

Độc cấp tính

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	:	LD50 (Chuột, con cái): 2.958 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải	:	LC50 (Chuột, Đực và cái): > 3,5 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Đánh giá: Thành phần/hỗn hợp có độ độc hại vừa sau khi hít phải trong thời gian ngắn. Ghi chú: Nồng độ đạt tới cao nhất

Độc tính cấp qua da	:	LD50 (Chuột, Đực và cái): > 5.000 mg/kg
---------------------	---	---

Thành phần:

pydiflumetofen:

Độc tính cấp theo đường miệng	:	LD50 (Chuột, Đực và cái): > 5.000 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải	:	LC50 (Chuột, Đực và cái): > 5,11 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương Đánh giá: Thành phần/hỗn hợp có độ độc hại thấp sau khi hít phải trong thời gian ngắn.

Độc tính cấp qua da	:	LD50 (Chuột, Đực và cái): > 5.000 mg/kg
---------------------	---	---

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

Loài	:	Thỏ
Kết quả	:	Không gây kích ứng da

Thành phần:

pydiflumetofen:

Loài	:	Thỏ
Kết quả	:	Không gây kích ứng da

MIRAVIS

Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/01/25 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00043202455 Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Sản phẩm:**

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt

Thành phần:**pydiflumetofen:**

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da**Sản phẩm:**

Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
Loài : Chuột nhắt
Kết quả : Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.

Thành phần:**pydiflumetofen:**

Loại kiểm nghiệm : các tế bào u lympho của chuột
Loài : Chuột nhắt
Kết quả : Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**Thành phần:****pydiflumetofen:**

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá : Thử nghiệm trên động vật không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến nào.

Tác nhân gây ung thư**Thành phần:****pydiflumetofen:**

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Các khối u gan đã được ghi nhận ở chuột lại không liên quan đối với người.

Độc tính sinh sản**Thành phần:****pydiflumetofen:**

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Không có bằng chứng về các ảnh hưởng có hại đối với chức năng sinh dục, sinh sản hay đối với sự phát triển, dựa vào các thực nghiệm trên động vật.

MIRAVIS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/01/25	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00043202455	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Độc đối với cá	:	LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 1,4 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 2,1 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	:	ErC50 (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): 100 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h
		NOEC (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): 0,32 mg/l Điểm kết thúc: Tỷ lệ tăng trưởng Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Thành phần:

pydiflumetofen:

Độc đối với cá	:	LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): 0,18 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	:	EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,42 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h
		LC50 (Americamysis (Tôm nước lợ Americamysis)): 0,16 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	:	ErC50 (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): > 5,9 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h
		NOEC (Raphidocelis subcapitata (tảo xanh nước ngọt)): 0,093 mg/l Điểm kết thúc: Tỷ lệ tăng trưởng Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh)	:	1
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)	:	NOEC (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): 0,025 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 32 d
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính)	:	NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,042 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 21 d
		NOEC (Americamysis (Tôm nước lợ Americamysis)): 0,076 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 28 d

MIRAVIS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/01/25	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00043202455	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

pydiflumetofen:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.

Ổn định trong nước : Ghi chú: chất này thì ổn định trong nước

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

pydiflumetofen:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Không tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: 3,8 (25 °C)

Độ linh động trong đất

Thành phần:

pydiflumetofen:

Phân bố trong các môi trường khác nhau : Ghi chú: Biến đổi thấp trong đất.

Ổn định trong đất : Thời gian tan rã: 674 d
Tỷ lệ phần trăm tan rã: 50 % (DT50 (Chu kỳ bán rã))
Ghi chú: Bền trong đất.

Các tác hại khác

Thành phần:

pydiflumetofen:

Kết quả đánh giá PBT và vPvB : Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt.
Nếu việc tái chế là không khả thi, hãy thải loại phù hợp với các quy định địa phương.

MIRAVIS

Phiên bản Ngày tháng sửa đổi, Mã SỐ PHIẾU CHỈ Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các
1.0 bổ sung gần nhất: DẤN AN TOÀN: phiên bản trước đó
2021/01/25 S00043202455

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Rửa thùng chứa ba lần.
Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (PYDIFLUMETOFEN)
Hạng : 9
Nhóm hàng : III
Nhãn : 9

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp : Environmentally hazardous substance, liquid, n.o.s. (PYDIFLUMETOFEN)
Hạng : 9
Nhóm hàng : III
Nhãn : Miscellaneous
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 964
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : 964
Nguy hại với môi trường : có

Mã IMDG

Số hiệu UN : UN 3082
Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (PYDIFLUMETOFEN)
Hạng : 9
Nhóm hàng : III
Nhãn : 9
Mã EmS : F-A, S-F
Chất ô nhiễm đại dương : có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

MIRAVIS

Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2021/01/25	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: S00043202455	Phiên bản này sẽ thay thế cho tất cả các phiên bản trước đó
------------------	--	---	--

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Tồn kho hóa chất công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI